

Số : 137 /CBTT-CT

Đà Nẵng, ngày 17 tháng 12 năm 2019

V/v Công bố thông tin ký Hợp đồng
kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC
- Trụ sở chính: KCN Dịch vụ Thủy sản Thọ Quang, P. Thọ Quang, Q. Sơn Trà, TP. Đà Nẵng.

- Điện thoại: 0236.3920920 Fax: 0236.3923308

- Email: info@thuanphuoc.vn

- Sàn giao dịch : UPCOM.

- Mã chứng khoán : THP.

- Người thực hiện công bố thông tin : Bà Nguyễn Thị Phi Anh.

- Chức vụ: Tổng Giám đốc.

- Loại thông tin công bố:

24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

- Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính năm 2019.

Nội dung cụ thể:

Công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước ký Hợp đồng số 61/2019/HĐKT-RSMMT ngày 17/12/2019 về việc kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước với Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam – Chi nhánh miền Trung.

Công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước trân trọng công bố thông tin trên để quý Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội để thực hiện công bố thông tin ra công chúng theo quy định hiện hành.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 17/12/2019 tại đường dẫn: www.thuanphuoc.vn

Chúng tôi cam kết các thông tin trên là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Nơi nhận :

- Như trên;
- HĐQT;
- Lưu VT.



TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THỊ PHI ANH

Số : 32 /NQ-HĐQT

Đà Nẵng, ngày 17 tháng 12 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

Về việc phê duyệt đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội khóa XIII, họp lần thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 do Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/6/2006;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 17 tháng 12 năm 2019

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019:

Tên đơn vị kiểm toán : Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam
– Chi nhánh miền Trung.

Điều 2. Giao Tổng Giám đốc điều hành ký hợp đồng và thực hiện.

Điều 3. Các ông/bà thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành chịu trách nhiệm thực hiện Nghị quyết này./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu: VT.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KIỂM TOÁN

Số: 61/2019/HĐKT- RSMMT

Ngày 17 tháng 12 năm 2019

**KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31/12/2019**

GIỮA

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI
THUẬN PHƯỚC**

VÀ

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & TƯ VẤN RSM VIỆT NAM
- CHI NHÁNH MIỀN TRUNG**

HỢP ĐỒNG KIỂM TOÁN

Số: 61/2019/HĐKT-RSMMT

(V/v: Kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước)

- Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;
- Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Căn cứ vào Luật Kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 ngày 29 tháng 3 năm 2011;
- Căn cứ Nghị định 17/2012/NĐ - CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật kiểm toán độc lập;
- Căn cứ Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 210 về Hợp đồng Kiểm toán;

Hợp đồng này được lập vào ngày 17 tháng 12 năm 2019 bởi và giữa các bên:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Người đại diện : Bà Nguyễn Thị Phi Anh
Chức vụ : Tổng Giám đốc
Địa chỉ : KCN dịch vụ thủy sản Thọ Quang, P. Thọ Quang, Q. Sơn Trà, TP. Đà Nẵng
Điện thoại : 0236 3920 920
Fax : 0236 3923 308
Mã số thuế : 0400100432
Tài khoản số : 004 1000 000 822
Tại : Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - CN Đà Nẵng

BÊN B: CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & TƯ VẤN RSM VIỆT NAM – CHI NHÁNH MIỀN TRUNG

Người đại diện : Ông TRẦN DƯƠNG NGHĨA
Chức vụ : Giám đốc (Giấy ủy quyền số 06/2019-20/UQ-RSM ngày 01/10/2019)
Địa chỉ : Tầng 3, số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại : (+84 236) 3633 334
Mã số thuế : 0302361789 - 002
Tài khoản số : 004 1000 192 939
Tại : Ngân hàng TMCP Ngoại thương TP. Đà Nẵng

Sau khi bàn bạc thương lượng, hai bên cùng thỏa thuận ký Hợp đồng gồm các điều khoản sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Bên B đồng ý cung cấp cho bên A dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính của bên A cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu (nếu có), Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Cuộc kiểm toán của bên B được thực hiện với mục tiêu đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính của bên A.

ĐIỀU 2: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

2.1 Trách nhiệm của Bên A:

Cuộc kiểm toán của Bên B sẽ được thực hiện trên cơ sở Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị của Bên A (trong phạm vi phù hợp) hiểu và thừa nhận có trách nhiệm:

- a) Đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính phải trung thực và hợp lý, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính được áp dụng;
- b) Đối với kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- c) Đảm bảo cung cấp kịp thời cho Bên B:
 - Quyền tiếp cận với tất cả tài liệu, thông tin mà Ban Tổng Giám đốc nhận thấy là có liên quan đến quá trình lập và trình bày báo cáo tài chính như chứng từ kế toán, sổ kế toán, tài liệu và các vấn đề khác;
 - Các thông tin bổ sung mà kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán yêu cầu Ban Tổng Giám đốc cung cấp hoặc giải trình để phục vụ cho mục đích của cuộc kiểm toán;
 - Quyền tiếp cận không hạn chế đối với nhân sự của Bên A mà kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán xác định là cần thiết để thu thập bằng chứng kiểm toán. Bố trí nhân sự liên quan cùng làm việc với Bên B trong quá trình kiểm toán.
- d) Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị của Bên A (trong phạm vi phù hợp) có trách nhiệm cung cấp và xác nhận bằng văn bản về các giải trình đã cung cấp trong quá trình kiểm toán vào "Thư giải trình của Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị", một trong những yêu cầu của chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, trong đó nêu rõ trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Bên A trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính và khẳng định rằng ảnh hưởng của từng sai sót, cũng như tổng hợp các sai sót không được điều chỉnh do Bên B phát hiện và tổng hợp trong quá trình kiểm toán cho kỳ hiện tại và các sai sót liên quan đến các kỳ trước là không trọng yếu đối với tổng thể báo cáo tài chính.
- e) Tạo điều kiện thuận tiện cho nhân viên của Bên B trong quá trình làm việc tại Văn phòng của Bên A.
- f) Thanh toán đầy đủ phí dịch vụ kiểm toán cho Bên B theo quy định tại điều 5 của hợp đồng này.

2.2 Trách nhiệm của Bên B

- a) Bên B sẽ thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, pháp luật và các quy định có liên quan. Các chuẩn mực kiểm toán này quy định Bên B phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính, xét trên phương diện tổng thể, có còn sai sót trọng yếu hay không.

Trong cuộc kiểm toán, Bên B sẽ thực hiện các thủ tục để thu thập bằng chứng kiểm toán về số liệu và thông tin trình bày trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được thực hiện tùy thuộc vào đánh giá của kiểm toán viên, bao gồm việc đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc do nhầm lẫn. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá sự phù hợp của các chính sách kế toán đã được sử dụng và các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính.

- b) Bên B có trách nhiệm thông báo cho Bên A về nội dung và kế hoạch kiểm toán, cử kiểm toán viên và các trợ lý có năng lực và kinh nghiệm thực hiện kiểm toán.
- c) Bên B thực hiện công việc kiểm toán theo nguyên tắc độc lập, khách quan và bảo mật số liệu. Theo đó bên B không được quyền tiết lộ thông tin cho bất kỳ một bên thứ ba nào mà không có sự đồng ý của

Bên A, ngoại trừ theo yêu cầu của pháp luật và các quy định có liên quan, hoặc trong trường hợp những thông tin như trên đã được các cơ quan quản lý Nhà nước phổ biến rộng rãi hoặc đã được Bên A công bố.

- d) Bên B có trách nhiệm yêu cầu Bên A xác nhận các giải trình đã cung cấp cho Bên B trong quá trình thực hiện kiểm toán. Theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, việc đáp ứng các yêu cầu này và Thư giải trình của Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Bên A về những vấn đề liên quan là một trong những cơ sở để Bên B đưa ra ý kiến của mình về báo cáo tài chính của Bên A.
- e) Do những hạn chế vốn có của kiểm toán cũng như của kiểm soát nội bộ, có rủi ro khó tránh khỏi là kiểm toán viên có thể không phát hiện được các sai sót trọng yếu, mặc dù cuộc kiểm toán đã được lập kế hoạch và thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.
- f) Để đánh giá rủi ro, Bên B sẽ xem xét kiểm soát nội bộ mà Bên A sử dụng trong quá trình lập báo cáo tài chính để thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp trong từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ của Bên A. Tuy nhiên, Bên B sẽ thông báo tới Bên A bằng văn bản về bất kỳ khiếm khuyết nào trong kiểm soát nội bộ mà Bên B phát hiện được trong quá trình kiểm toán báo cáo tài chính.
- g) Thông báo cho Bên A các tình huống có thể dẫn đến việc trì hoãn việc hoàn thành các công việc của Bên B trong quá trình kiểm toán, hoặc mở rộng phạm vi công việc, tăng phí cho khối lượng công việc.

ĐIỀU 3: BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Sau khi kết thúc kiểm toán, Bên B sẽ phát hành cho Bên A: tám (08) bộ báo cáo kiểm toán hợp nhất, tám (08) bộ báo cáo kiểm toán riêng, bốn (04) bộ báo cáo kiểm toán công ty con kèm theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán bằng tiếng Việt. Bên A giữ bảy (07) bộ cho mỗi loại, Bên B giữ một (01) bộ. Và bốn (04) bộ báo cáo kiểm toán hợp nhất, bốn (04) bộ báo cáo kiểm toán riêng kèm theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán bằng tiếng Anh. Ngoài ra Bên B sẽ phát hành cho Bên A hai (02) bộ thư quản lý (nếu có) đề cập đến những điểm thiếu sót cần khắc phục và ý kiến đề xuất của Kiểm toán viên nhằm cải tiến hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ của bên A. Bên A giữ một (01) bộ, Bên B giữ một (01) bộ.

Báo cáo kiểm toán sẽ được lập bằng văn bản, gồm các nội dung theo quy định của Luật kiểm toán độc lập, Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 700, các chuẩn mực kiểm toán và quy định pháp lý khác có liên quan.

Trong trường hợp bên A dự định phát hành báo cáo kiểm toán của bên B dưới bất kỳ dạng tài liệu nào, hoặc phát hành các tài liệu trong đó có các thông tin về báo cáo tài chính đã được kiểm toán, Ban Giám đốc bên A đồng ý rằng họ sẽ cung cấp cho bên B một bản của tài liệu này và chỉ phổ biến rộng rãi các tài liệu này sau khi có sự đồng ý của bên B bằng văn bản.

ĐIỀU 4: THỜI GIAN TIẾN HÀNH

Thời gian bắt đầu kiểm toán hoặc soát xét do bên A đề nghị nhưng phải thông báo trước cho bên B ít nhất 10 ngày.

Cuộc kiểm toán hoặc soát xét sẽ được bắt đầu khi Bên B nhận được báo cáo tài chính chưa kiểm toán hoặc chưa soát xét trước 2 ngày. Nếu Bên A không thể cung cấp kịp thì Bên B sẽ không thể tiến hành theo kế hoạch kiểm toán hoặc soát xét đã thông báo; và do đó, thời gian thực hiện cuộc kiểm toán hoặc soát xét trở lại sẽ do Bên B sắp xếp và thông báo cho Bên A.

Cuộc kiểm toán sẽ được tiến hành qua 2 giai đoạn:

Giai đoạn 1: Thực hiện soát xét Báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm 2019;

Giai đoạn 2: Thực hiện Kiểm toán Báo cáo tài chính và phát hành báo cáo kiểm toán cho năm 2019;

Thời gian phát hành Báo cáo kiểm toán trong vòng 07 ngày kể từ ngày bên A lập lại Báo cáo tài chính đã điều chỉnh sau kiểm toán. Báo cáo kiểm toán hoặc soát xét sẽ được phát hành sớm hơn hay đúng thời hạn phụ thuộc vào việc Bên A tạo mọi điều kiện cần thiết để Bên B hoàn thành công việc theo yêu cầu.

ĐIỀU 5: SỬA ĐỔI VÀ DIỄN GIẢI MANG TÍNH HỒI TỐ

Kết quả kiểm toán của Bên B dựa trên các diễn giải và nhận thức của Bên A về các văn bản pháp luật, quy định và chuẩn mực, mà các diễn giải này có thể khác với cách diễn giải các văn bản pháp luật, quy định và chuẩn mực của các cơ quan đại diện luật pháp hay các cơ quan khác sau đó. Do đó, khả năng phải điều chỉnh có tính hồi tố trong báo cáo tài chính trong tương lai là không thể tránh khỏi. Bên A xác nhận sự hiểu biết của mình về việc có thể xảy ra rủi ro này.

ĐIỀU 6: PHÍ DỊCH VỤ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

Phí dịch vụ:

Phí kiểm toán BCTC năm 2019:	60.000.000
<i>BCTC công ty mẹ</i>	<i>50.000.000</i>
<i>BCTC công ty con</i>	<i>5.000.000</i>
<i>BCTC hợp nhất</i>	<i>5.000.000</i>
Thuế giá trị gia tăng (10%):	6.000.000
Tổng giá trị thanh toán:	66.000.000

(Sáu mươi sáu triệu đồng chẵn.)

Phương thức thanh toán:

- **Đợt 1:** Thanh toán 50% giá trị hợp đồng ngay khi Bên B bắt đầu tiến hành công tác soát xét BCTC 9 tháng đầu năm 2019.
- **Đợt 2:** Thanh toán 50% còn lại cho Bên B ngay khi nhận được đủ bộ báo cáo kiểm toán năm 2019 và hóa đơn tài chính của Bên B. Thời hạn thanh toán là 10 ngày làm việc kể từ khi Bên B phát hành hóa đơn. Bên B có quyền tính lãi trả chậm ở mức cao nhất mà luật pháp cho phép nếu Bên A không thanh toán đúng theo các điều khoản về thanh toán trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày Bên A nhận được chứng từ hóa đơn.
- Bên A thanh toán cho Bên B bằng chuyển khoản qua Ngân hàng.

ĐIỀU 7: CUNG CẤP THÔNG TIN

Bên A đồng ý cho phép Bên B cung cấp một số thông tin nhất định liên quan đến các dịch vụ đề cập trong hợp đồng này cho mục đích thảo luận báo giá hoặc soạn thảo các tài liệu quảng cáo nói chung, với điều kiện là khi soạn thảo báo giá, Bên B chỉ được phép cung cấp tên của Bên A và diễn giải vắn tắt mô tả nội dung công việc đã cung cấp cho Bên A.

ĐIỀU 8: SỬ DỤNG INTERNET

Các bên xác nhận rằng: Các bên có thể liên lạc hoặc trao đổi tài liệu qua thư điện tử và/hoặc qua internet trừ phi một trong hai bên có các yêu cầu khác; và các bên chấp nhận các rủi ro tiềm tàng bao gồm rủi ro liên lạc bị ngăn chặn hoặc bị xâm nhập bất hợp pháp, bị sửa đổi làm sai lệch nội dung và bị vi-rút hoặc các thiết bị nguy hiểm khác tấn công. Do đó, các bên sẽ kiểm tra vi-rút tất cả các thông tin liên lạc nhận hoặc gửi đi giữa hai Bên.

ĐIỀU 9: CAM KẾT THỰC HIỆN VÀ TRƯỜNG HỢP BẤT KHẢ KHÁNG

Hai bên cam kết thực hiện tất cả các điều khoản đã ghi trong hợp đồng. Trong quy trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, hai bên phải kịp thời thông báo cho nhau và trao đổi, tìm phương án giải quyết. Mọi thông tin phải được thông báo trực tiếp cho mỗi bên bằng văn bản theo địa chỉ đã ghi trên đây.

Mọi tranh chấp hoặc khiếu kiện phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng sẽ được giải quyết bằng thương lượng hoặc theo Bộ luật dân sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và tại tòa án kinh tế Thành phố Đà Nẵng.

Không một bên nào bị xem là vi phạm trách nhiệm theo hợp đồng đã ký kết hay phát sinh nghĩa vụ với bên kia nếu một bên không thể thực hiện nghĩa vụ của mình theo hợp đồng do hậu quả của các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát hợp lý của mình. Trong trường hợp có một bên bị ảnh hưởng bởi các sự kiện này, bên đó phải có nghĩa vụ thông báo cho bên kia trong thời gian sớm nhất có thể thực hiện được một cách hợp lý nhằm giúp bên được thông báo có thể lựa chọn hoặc đình chỉ hoặc hủy bỏ hợp đồng bằng cách ra thông báo với hiệu lực ngay lập tức.



ĐIỀU 10: MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Bên B sẽ sử dụng một cách phù hợp những kỹ năng và sự thận trọng trong việc thực hiện dịch vụ.

Trong phạm vi pháp luật cho phép, trách nhiệm tối đa của Bên B liên quan đến dịch vụ đã cung cấp (bao gồm cả chi phí pháp lý) phát sinh do sơ suất hoặc do những nguyên nhân khác, sẽ không vượt quá mức phí được trả cho phần dịch vụ hoặc công việc làm phát sinh trách nhiệm này. Trong mọi trường hợp Bên B sẽ không chịu trách nhiệm đối với các khoản thiệt hại, khoản lỗ hay chi phí (bao gồm nhưng không giới hạn lợi nhuận bị sụt giảm, chi phí cơ hội,...). Điều khoản này vẫn tiếp tục có hiệu lực sau khi hoàn thành hoặc kết thúc hợp đồng này.

ĐIỀU 11: HIỆU LỰC, NGÔN NGỮ VÀ THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

Hợp đồng này được lập thành bốn (04) bản Tiếng Việt, mỗi bên giữ hai (02) bản tiếng Việt có giá trị như nhau và có hiệu lực từ ngày có đủ chữ ký và con dấu (nếu có) của hai bên.

Hợp đồng này tự động được thanh lý sau khi Bên A và Bên B đã hoàn thành trách nhiệm của mỗi bên hoặc hai bên cùng nhất trí hủy bỏ hợp đồng.

Đại diện bên A
CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC
Tổng Giám đốc


NGUYỄN THỊ PHI ANH

Đại diện bên B
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & TƯ VẤN RSM
VIỆT NAM - CHI NHÁNH MIỀN TRUNG
Giám đốc


TRẦN DƯƠNG NGHĨA